



Chī

Comer - Verbo

Character 11/150

1. Ordenar

吗 好 吃



2. Ordenar

好 很 吃



3. Escribir y traducir (mandar a Maca)

中国菜怎么吃?

Zhōng guó cài zěn me chī?

菜好吃吗? 不好吃

Cài hào chī ma? Bù hǎo chī

你吃几个菜?

Nǐ chī jǐ ge cài?

我不吃美国菜

Wǒ bù chī měi guó cài